

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Trần Quang D và bà Phạm Thị E; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất, chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Bản án số 05/2013/HSST ngày 11/01/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 6 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Gây rối trật tự công cộng”. P đã chấp hành xong hình phạt ngày 04/9/2013.

Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2018. *(Có mặt tại phiên tòa).*

3. Họ và tên: ĐỖ TIẾN Đ - Sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đỗ Văn H và bà Vũ Thị L; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ, con;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 21/9/2009 bị Công an huyện Thái Thụy phạt tiền 300.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị bắt tạm giam từ ngày 21/02/2018. *(Có mặt tại phiên tòa).*

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990, trú tại xã A, huyện H, tỉnh Thái Bình *(vắng mặt).*

*** Người làm chứng:**

- Chị Ngô Thị A, sinh năm 1992, trú tại xã T, huyện T, Thái Bình. *(vắng mặt).*

- Ông Lại Trọng N, sinh năm 1953, trú tại thôn Đ, ông Phạm Văn K, sinh năm 1968, trú tại thôn L cùng xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình *(vắng mặt)*

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991, trú tại thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. *(vắng mặt)*

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1978, trú tại thôn L, xã Q, huyện H, tỉnh Thái Bình. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ vợ là Ngô Thị A có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Thanh T nên khoảng 6 giờ 30 phút sáng ngày 04/12/2017, H gọi điện thoại rủ Trần Xuân P đến Công ty cổ phần may xuất khẩu P (Công ty P) ở xã T, huyện T, nơi anh T làm việc, để đánh anh T. P đồng ý và lấy ở trong bếp 1 con dao “mèo” dài khoảng 30 cm, cán dao bằng gỗ dài khoảng 10 cm có một mặt lưỡi, hơi cong, bằng kim loại tối màu mang đến Công ty P để đánh anh T. H điều khiển xe mô tô đến nhà Đỗ Tiến Đ chở Đ đi đánh anh T. Trên đường đi, H nhặt được 1 gậy bằng kim loại ở ven đường dài khoảng 50 cm có cán bọc vải màu đen, hình trụ tròn, đường kính khoảng 2 cm, rỗng ở giữa, cất giấu vào sau lưng. Đến nơi, H dừng xe ở đường, đối diện Công ty P

để chờ T đến. Khoảng 7 giờ, khi thấy anh T điều khiển xe mô tô đến cổng Công ty P, H liền chạy về phía anh T, vừa chạy vừa rút gậy kim loại ở sau lưng đến chặn đầu xe của anh T và hỏi *“Mày có phải T H không”* rồi tay phải cầm gậy kim loại vụt 1 phát theo hướng từ trên xuống, từ phải sang trái trúng vào chân trái anh T, 1 phát theo hướng từ trên xuống trúng vào đầu anh T làm xe và người anh T nghiêng về bên phải. Đ từ phía sau dùng tay phải đâm 1 phát vào đầu anh T rồi ôm cổ kéo anh T ngã xuống đường. Đ dùng chân phải đá vào lưng và mông anh T 2-3 phát, còn H dùng gậy kim loại vụt vào người anh T nhiều nhát. Thấy vậy, ông Phạm Văn K, là bảo vệ Công ty P và chị Ngô Thị A (là vợ H) chạy đến can ngăn. Đ tiếp tục đá vào người anh T 1 - 2 phát. H túm cổ áo chị A lôi sát vào chỗ T đang nằm và nói : *“Mày nhìn kỹ đi, đây là vợ tao đấy”* rồi đẩy chị A ra. H tiếp tục dùng gậy kim loại và chân đá, vụt anh T. Lúc này, P đi xe mô tô đến và hỏi H: *“Sao chú?”*. H trả lời: *“Đây, thằng này”* rồi tiếp tục vụt anh T. P hiểu đó là anh T, người mà H cần đánh. P lấy con dao “mèo” mang theo, đi đến chỗ T, tay phải cầm dao chém 2 nhát theo hướng từ trên xuống về phía T, nhát thứ nhất không trúng, nhát thứ hai trúng vào chân phải của T. Lúc này, ông Lại Trọng N, là bảo vệ Công ty P can ngăn nên P bỏ đi. H tiếp tục dùng gậy sắt vụt 2 đến 3 phát và dùng chân đá vào người anh T rồi lên xe mô tô để Đ chở đi. Anh T được mọi người đưa đi bệnh viện điều trị đến ngày 11/12/2017 thì xuất viện.

Sau khi gây án, H bỏ trốn lên tỉnh Sơn La, đến ngày 18/01/2018 về Công an tỉnh Thái Bình đầu thú; Đ, P bỏ trốn, sau đó về nhà thì bị cơ quan điều tra triệu tập lên làm việc.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 114/17/TgT ngày 07/12/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình kết luận thương tích của anh Nguyễn Thanh T: *“Thương tích vùng đầu mặt và toàn thân do vật tày cứng tác động, đã được xử trí: khâu cầm máu, phục hồi vết thương, dùng các loại thuốc: kháng sinh, giảm đau, chống phù nề, chăm sóc vết thương hàng ngày. Hiện tại còn đau rát các vết thương; các vết thương vùng cằm bên phải, vùng trán đỉnh phải, vùng môi dưới bên phải và vùng đầu gối bên phải còn sưng nề, ỉn đau. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 12%.*

Tại Công văn số 08/CV-TTPY ngày 29/01/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình giải trình một số vấn đề trong Bản kết luận định giám định pháp y về thương tích số 114/17/TgT ngày 07/12/2017, xác định: *Dấu vết 2.9 “Từ 1/3 dưới mặt trước ngoài đùi phải tới mặt ngoài đầu gối phải có 1 vết thương” của Nguyễn Thanh T là do vật sắc tác động.*

Quá trình điều tra, H, P, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Thanh T 26.000.000 đồng. Anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản nào khác và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 11/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố các bị cáo Vũ Đăng H, Trần Xuân P và Đỗ Tiến Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Vũ Đăng H mức án từ 2 năm đến 2 năm 3 tháng tù.

- Áp dụng khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Xuân P từ 1 năm 9 tháng đến dưới 2 năm tù. Xử phạt bị cáo Đỗ Tiến Đ mức án từ 1 năm 9 tháng đến dưới 2 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Vũ Đăng H 2 điện thoại di động và số tiền 966.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh anh T gây thương tích. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Báo cáo của Ban Công an xã T; Biên bản ghi lời khai của bị hại anh Nguyễn Thanh T; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, Biên bản sao lưu dữ liệu hình ảnh video; Biên bản xác minh thương tích ban đầu; Biên bản xem xét dấu vết thân thể; Hồ sơ bệnh án của anh Nguyễn Thanh T; Biên bản nhận dạng Vũ Đăng H; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích; Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng; Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo đều nhận thức được việc thực hiện hành vi gây

thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, hậu quả gây thương tích cho anh T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu và tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[5] Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, do các bị cáo dùng dao và gậy sắt là hung khí nguy hiểm đánh anh T gây tổn thương cơ thể là 12% nên đã phạm vào khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Đ không dùng hung khí đánh anh T song Đ biết H chuẩn bị hung khí và tiếp nhận ý chí của H, cùng đánh anh T nên Đ phải chịu tình tiết định khung tăng nặng cùng với H.

Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

...

[7] So với khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 thì khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nhẹ hơn. Vì vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

[8] Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành. Vũ Đăng H là người khởi xướng và tích cực thực hiện tội phạm. P đến sau dùng dao chém 2 nhát, Đ dùng tay, chân đánh nhiều nhát. Do vậy H giữ vai trò thứ nhất, P và Đ có vai trò ngang nhau, cùng xếp thứ hai trong vụ án.

[9] Đ và P chỉ nghe H nói nghi ngờ anh T có quan hệ bất chính với vợ H, đã xông vào đánh anh T ngay cả khi anh T đã ngã xuống đất, nó thể hiện sự ngang ngược coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe người khác vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[10] Các bị cáo đều tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; thành khẩn khai báo; được bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, thương tích gây ra cho bị hại không lớn. Do vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với Vũ Đăng H sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bố đẻ của H là người có công với Nhà nước nên được hưởng thêm 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[11] Vũ Đăng H có 1 tiền án nên phải chịu 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự - tái phạm - quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Trần Xuân P và Đỗ Tiến Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[12] Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ cần được xem xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng bị cáo H do có 1 tình tiết tăng nặng nên cần xử bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Thanh T với tổng số tiền là 26.000.000 đồng. Anh T không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[14] Về xử lý vật chứng:

Dao và gậy sắt, sau khi gây án, các bị cáo đã vứt đi, cơ quan điều tra không thu được nên không đặt ra xử lý.

2 điện thoại di động và số tiền 966.000 đồng H giao nộp là tài sản của H không dùng để phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Các bị cáo Vũ Đăng H, Trần Xuân P (Trần Quang P) và Đỗ Tiến Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 45; Điều 33; Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Vũ Đăng H 2 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 18/01/2018.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 45; Điều 47; Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Trần Xuân P (Trần Quang P) 1 (một) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/02/2018.

Xử phạt bị cáo Đỗ Tiến Đ 1 (một) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/02/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc các bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho anh Nguyễn Thanh T với số tiền là 26.000.000 đồng. Anh T đã nhận đủ tiền, không yêu cầu bồi thường khoản nào khác.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Vũ Đăng H 2 điện thoại di động và số tiền 966.000 đồng. Các tài sản này có đặc điểm như trong biên bản giao nhận ngày 12/4/2018 tại Chi cục thi hành án huyện Thái Thụy.

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo Vũ Đăng H, Trần Xuân P và Đỗ Tiến Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31/5/2018. Với bị hại kể từ ngày Tòa tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lưu Toàn Nghĩa